

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2026/HNGĐ-ST.

Ngày: 06/02/2026.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi T Khanh;

Ông Đặng Hoàng Mích.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Trọng – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long tham gia phiên toà:
Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ L số 456/2025/TLST-HNGĐ về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 8 - Vĩnh Long. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn:

Ông Trần Minh T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ 4, khu phố Đ, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn:

Bà Đặng Thị Tuyết L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp T, xã Thới Thuận, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên toà, nguyên đơn, bị đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 19/6/2025, bản tự khai, các biên bản hoà giải nguyên đơn ông Trần Minh T trình bày:

Ông và bà Đặng Thị Tuyết L tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc. Thời gian sau do bất đồng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn. Ông và bà L không thể hoà giải, hàn gắn và đã

ly thân. Nay ông khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Đặng Thị Tuyết L cụ thể như sau:

Về hôn nhân, ông yêu cầu được ly hôn với bà Đặng Thị Tuyết L. Về con chung, ông và bà L có 01 con chung tên Đặng Thị Quỳnh H, sinh ngày 16/02/2015. Khi ly hôn, ông T đồng ý giao con chung cho bà L nuôi dưỡng và ông T không cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, ông T yêu cầu tự thỏa thuận. Về nợ chung, ông T khai không có.

Vì L do công việc nên ông T yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt ông trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Đây là ý chí tự nguyện của ông T, ông T không bị ai cưỡng ép, ép buộc.

Tại bản khai ngày 16/12/2025, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 15/12/2025, bà Đặng Thị Tuyết L trình bày:

Bà thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T và không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Vì L do công việc nên bà L yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt ông trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Đây là ý chí tự nguyện của bà L, bà L không bị ai cưỡng ép, ép buộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Toà án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và kết quả nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ông Trần Minh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Đặng Thị Tuyết L. Quan hệ tranh chấp được quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào quá trình tổng đạt các văn bản tố tụng và sự thừa nhận của bà Đặng Thị Tuyết L thì có cơ sở xác định bà L có nơi cư trú tại ấp Thới Lợi 2, xã Thới Thuận, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long căn cứ vào các Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thụ L giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

Về phạm vi giải quyết vụ án, hồ sơ vụ án chỉ có yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố của bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải

quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngoài ra không xem xét, giải quyết nội dung nào khác.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Quá trình kết hôn của ông Trần Minh T và bà Đặng Thị Tuyết L: Hội đồng xét xử xét thấy, ông T và bà L kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thới Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/10/2014. Quá trình giải quyết vụ án không có đương sự nào cho rằng việc kết hôn này là trái quy định pháp luật nên hôn nhân của ông T, bà L là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[2.2]. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân: Ông T cho rằng ông và bà L thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ, chồng không cùng quan điểm, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mục đích hôn nhân giữa ông T và bà L không đạt được. Ông T và bà L đã ly thân, không còn chung sống với nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Đặng Thị Tuyết L thống nhất với lời trình bày của ông T nên Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì tình tiết, sự kiện này không phải chứng minh.

Xét thấy, cuộc sống vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở nguyên tắc thâ yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, bền vững nhưng ông T, bà L không còn đảm bảo được các nguyên tắc này nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn của ông Trần Minh T đối với bà Đặng Thị Tuyết L.

[2.2]. Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Minh T và bà Đặng Thị Tuyết L thống nhất khai có 01 con chung là cháu Đặng Thị Quỳnh H, sinh ngày 16/02/2015. Khi ly hôn, ông T đồng ý giao con chung cho bà L nuôi dưỡng. Bà L thống nhất với lời trình bày của ông T. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án, cháu H có nguyện vọng sống chung với bà L khi cha, mẹ ly hôn nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để giao cháu Đặng Thị Quỳnh H, sinh ngày 16/02/2015 cho bà Đặng Thị Tuyết L nuôi dưỡng.

[2.3]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho vợ, chồng và con chung khi ly hôn: Theo đơn khởi kiện, ông Trần Minh T không cấp dưỡng nuôi con. Bà Đặng Thị Tuyết L không yêu cầu cấp dưỡng cho bà và không cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4]. Về tài sản chung: Ông Trần Minh T yêu cầu được tự thỏa thuận. Bà Đặng Thị Tuyết L thống nhất với ông Trần Minh T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.5]. Về nợ phải thu và nợ phải trả: Ông Trần Minh T, bà Đặng Thị Tuyết L cùng khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí, do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận toàn bộ nên ông Trần Minh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch với số tiền

300.000đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng được thu theo biên lai số 0009486 ngày 14/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ghi nhận ông T đã nộp xong.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 28, 35, 39, 91, 92, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”. Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Minh T đối với bà Đặng Thị Tuyết L.

Ông Trần Minh T được ly hôn với bà Đặng Thị Tuyết L.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Đặng Thị Tuyết L được quyền nuôi dưỡng con chung là cháu Đặng Thị Quỳnh H, sinh ngày 16/02/2015. Ghi nhận bà Đặng Thị Tuyết L không yêu cầu ông Trần Minh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho vợ, chồng sau khi ly hôn: Ghi nhận ông Trần Minh T, bà Đặng Thị Tuyết L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung: Ghi nhận ông Trần Minh T, bà Đặng Thị Tuyết L yêu cầu tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ chung phải thu, nợ chung phải trả: Ghi nhận ông Trần Minh T, bà Đặng Thị Tuyết L cùng khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Về án phí, ông Trần Minh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch với số tiền 300.000(Ba trăm nghìn)đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng được thu theo biên lai số 0009486 ngày 14/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ghi nhận ông T đã nộp xong.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được tổng đạt theo đúng quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND Khu vực 8 – Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long (Báo cáo);
- THA DS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Bình Đại, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thành Ngọc

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi T Khanh

Đặng Hoàng Mích

Trần Thành Ngọc

